|  |  |
| --- | --- |
| **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**Số: /2024/QĐ-TTg | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Hà Nội, ngày tháng năm 2024* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với**

**khoản vay có lãi suất là 0%/năm, khoản vay không có tài sản bảo đảm**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;* *Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với khoản vay có lãi suất là 0%/năm, khoản vay không có tài sản bảo đảm.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

# Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về điều kiện, hồ sơ, thủ tục xem xét, quyết định việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) đối với khoản vay có lãi suất là 0%/năm, khoản vay không có tài sản bảo đảm.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Tổ chức tín dụng bao gồm ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước theo Quyết định này.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước đối với khoản vay có lãi suất là 0%/năm, khoản vay không có tài sản bảo đảm là việc Ngân hàng Nhà nước cho vay đặc biệt, gia hạn khoản cho vay đặc biệt đối với khoản vay có lãi suất là 0%/năm, khoản vay không có tài sản bảo đảm sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo đề xuất của Ngân hàng Nhà nước.

2. Bên vay đặc biệt là tổ chức tín dụng vay đặc biệt từ Ngân hàng Nhà nước đối với khoản vay có lãi suất là 0%/năm, khoản vay không có tài sản bảo đảm.

3. Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 là Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14.

4. Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 là Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 43/2024/QH 15.

5. Phương án cơ cấu lại là phương án phục hồi hoặc phương án chuyển giao bắt buộc được quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.

6. Phương án cơ cấu lại được sửa đổi, bổ sung là phương án cơ cấu lại được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.

7. Việc gia hạn khoản cho vay đặc biệt (hoặc khoản vay đặc biệt) có lãi suất là 0%/năm, không có tài sản bảo đảm là việc kéo dài thêm một khoảng thời gian cho vay đặc biệt vượt quá thời hạn cho vay đặc biệt quy định tại Quyết định này.

8. Thời hạn cho vay đặc biệt là khoảng thời gian được tính từ ngày tiếp theo liền kề ngày Ngân hàng Nhà nước giải ngân tiền cho vay đặc biệt đến ngày bên vay đặc biệt trả hết nợ gốc và lãi tiền vay đặc biệt cho Ngân hàng Nhà nước.

**Chương II**

**QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 4. Điều kiện xem xét việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước trong trường hợp thực hiện phương án cơ cấu lại, phương án cơ cấu lại được sửa đổi, bổ sung**

Tổ chức tín dụng đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

1. Là tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.

2. Có phương án cơ cấu lại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, trong đó có đề xuất biện pháp cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước và các nội dung của khoản vay đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đề nghị của Ngân hàng Nhà nước. Hoặc có phương án cơ cấu lại, phương án cơ cấu lại được sửa đổi, bổ sung đang được Ngân hàng Nhà nước xem xét, phê duyệt theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, trong đó có đề xuất biện pháp cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước và có đầy đủ các nội dung sau:

a) Đối với biện pháp cho vay đặc biệt có lãi suất là 0%/năm: Tổ chức tín dụng có danh mục tài sản bảo đảm theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về cho vay đặc biệt. Đối với biện pháp cho vay đặc biệt không có tài sản bảo đảm: Tổ chức tín dụng chưa có danh mục tài sản bảo đảm theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về cho vay đặc biệt và lãi suất cho vay đặc biệt là 0%/năm hoặc lớn hơn 0%/năm;

b) Mục đích sử dụng tiền vay đặc biệt là để thực hiện hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác theo quy định tại Giấy phép và được xác định tại phương án cơ cấu lại, phương án cơ cấu lại được sửa đổi, bổ sung

c) Số tiền đề nghị vay đặc biệt; thời hạn đề nghị vay đặc biệt, gia hạn vay đặc biệt không vượt quá thời hạn thực hiện phương án cơ cấu lại, phương án cơ cấu lại được sửa đổi, bổ sung.

**Điều 5. Điều kiện xem xét việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước đối với khoản vay không có tài sản bảo đảm trong trường hợp bị rút tiền hàng loạt**

Tổ chức tín dụng đáp ứng các điều kiện sau:

1. Tổ chức tín dụng bị rút tiền hàng loạt và đã/đang thực hiện các quy định tại khoản 1 Điều 191 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.

2. Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt đề nghị vay đặc biệt, gia hạn khoản vay đặc biệt có đầy đủ các nội dung sau:

a) Chưa có danh mục tài sản bảo đảm theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về cho vay đặc biệt tại thời điểm đề nghị vay đặc biệt, gia hạn vay đặc biệt;

b) Mục đích sử dụng tiền vay đặc biệt áp dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về cho vay đặc biệt để chi trả tiền gửi của người gửi tiền tại bên vay đặc biệt trong trường hợp bị rút tiền hàng loạt; (không áp dụng đối với trường hợp tổ chức tín dụng đề nghị gia hạn khoản vay đặc biệt);

c) Số tiền đề nghị vay đặc biệt trên cơ sở đánh giá tình hình khả năng chi trả trong thời hạn 30 ngày của bên vay đặc biệt;

d) Thời hạn đề nghị vay đặc biệt, gia hạn vay đặc biệt trên cơ sở đánh giá tình hình khả năng chi trả của bên vay đặc biệt và dưới 12 tháng;

đ) Mức lãi suất vay đặc biệt, trường hợp mức lãi suất cho vay đặc biệt là 0% áp dụng đối với tổ chức tín dụng có lỗ lũy kế lớn hơn 50% giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc theo kết luận thanh tra, kiểm toán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**Điều 6. Hồ sơ, thủ tục xem xét, quyết định việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước trong trường hợp thực hiện phương án cơ cấu lại, phương án cơ cấu lại được sửa đổi, bổ sung**

1. Hồ sơ Ngân hàng Nhà nước đề xuất Thủ tướng Chính phủ:

a) Văn bản của Ngân hàng Nhà nước báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước

b) Phương án cơ cấu lại của tổ chức tín dụng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 hoặc phương án cơ cấu lại, phương án cơ cấu lại được sửa đổi, bổ sung đang được Ngân hàng Nhà nước xem xét, phê duyệt theo Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, trong đó có đề nghị việc vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước đối với khoản vay có lãi suất là 0%/năm;

c) Báo cáo, đề nghị của Ban kiểm soát đặc biệt của tổ chức tín dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 169, khoản 3 Điều 172, khoản 3 Điều 179, khoản 6 Điều 183 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 đối với trường hợp phương án cơ cấu lại, phương án cơ cấu lại được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 (không áp dụng trong trường hợp thực hiện phương án cơ cấu lại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010);

d) Văn bản tham gia ý kiến của các bộ, cơ quan có liên quan;

đ) Nghị quyết chuyển giao bắt buộc của Chính phủ;

e) Các văn bản khác liên quan đến việc đề xuất cho vay đặc biệt (nếu có).

2. Thủ tục xem xét, quyết định việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước đối với khoản vay có lãi suất là 0%/năm, khoản vay không có tài sản bảo đảm:

a) Trên cơ sở phương án cơ cấu lại, phương án cơ cấu lại được sửa đổi, bổ sung của tổ chức tín dụng và báo cáo, đề nghị của Ban kiểm soát đặc biệt của tổ chức tín dụng quy định tại điểm b và c khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước có văn bản xin ý kiến các bộ, cơ quan liên quan về việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước;

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Ngân hàng Nhà nước, căn cứ phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, các bộ, cơ quan có ý kiến bằng văn bản về việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước trên cơ sở đề nghị của Ngân hàng Nhà nước;

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ văn bản tham gia ý kiến của các bộ, cơ quan, Ngân hàng Nhà nước tổng hợp ý kiến các bộ, cơ quan trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đề xuất cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước;

d) Căn cứ hồ sơ Ngân hàng Nhà nước đề xuất Thủ tướng Chính phủ quy định tại khoản 1 Điều này, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước đối với khoản vay có lãi suất là 0%/năm, khoản vay không có tài sản bảo đảm trên cơ sở đề xuất của Ngân hàng Nhà nước;

đ) Trên cơ sở ý kiến của Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước tổ chức thực hiện việc cho vay đặc biệt theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và phù hợp với nội dung phương án cơ cấu lại, phương án cơ cấu lại được sửa đổi, bổ sung được phê duyệt.

**Điều 7. Hồ sơ, thủ tục xem xét, quyết định việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước đối với khoản vay không có tài sản bảo đảm trong trường hợp bị rút tiền hàng loạt**

1. Hồ sơ tổ chức tín dụng đề nghị Ngân hàng Nhà nước gồm:

a) Giấy đề nghị vay đặc biệt của tổ chức tín dụng theo Phụ lục 01 hoặc giấy đề nghị gia hạn vay đặc biệt theo Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quyết định này;

b) Báo cáo về tình hình hoạt động, khả năng chi trả theo Phụ lục 03 ban hành kèm theo Quyết định này;

c) Số liệu tiền gửi bằng đồng Việt Nam theo Phụ lục 04 ban hành kèm theo Quyết định này;

d) Số liệu về nguồn vốn, sử dụng vốn bằng đồng Việt Nam theo Phụ lục 05 ban hành kèm theo Quyết định này;

đ) Nghị quyết của Hội đồng quản trị (trường hợp tổ chức tín dụng là công ty cổ phần theo quy định tại khoản 10 Điều 70 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; tổ chức tín dụng là ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân), Hội đồng thành viên (trường hợp tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn) thông qua việc đề nghị vay đặc biệt Ngân hàng Nhà nước;

g) Văn bản ủy quyền trong trường hợp người ký các văn bản trong hồ sơ đề nghị là người đại diện theo ủy quyền của bên vay đặc biệt;

h) Các văn bản khác liên quan đến việc đề xuất cho vay đặc biệt (nếu có).

2. Hồ sơ Ngân hàng Nhà nước đề xuất Thủ tướng Chính gồm:

a) Các văn bản quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Văn bản của Ban Kiểm soát đặc biệt theo Phụ lục 06 ban hành kèm Quyết định này;

c) Văn bản của Ngân hàng Nhà nước báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước đối với khoản vay không có tài sản bảo đảm;

d) Văn bản tham gia ý kiến của các bộ, cơ quan có liên quan;

đ) Các tài liệu khác liên quan đến việc đề xuất cho vay đặc biệt (nếu có).

3. Thủ tục xem xét, quyết định việc cho vay đặc biệt không có tài sản bảo đảm:

a) Tổ chức tín dụng gửi Ban kiểm soát đặc biệt hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này. Ban kiểm soát đặc biệt theo thẩm quyền có văn bản đề nghị Ngân hàng Nhà nước đề xuất Thủ tướng Chính phủ việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước đối với khoản vay không có tài sản bảo đảm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này kèm hồ sơ của tổ chức tín dụng quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Căn cứ hồ sơ của tổ chức tín dụng và văn bản của Ban kiểm soát đặc biệt, Ngân hàng Nhà nước có văn bản xin ý kiến các bộ, cơ quan có liên quan về việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước đối với khoản vay không có tài sản bảo đảm;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Ngân hàng Nhà nước, căn cứ phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, các bộ, cơ quan có ý kiến bằng văn bản về việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước đối với khoản vay không có tài sản bảo đảm trên cơ sở đề nghị của Ngân hàng Nhà nước;

d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ văn bản tham gia ý kiến của các bộ, cơ quan, Ngân hàng Nhà nước tổng hợp ý kiến các bộ, cơ quan trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đề xuất cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước;

đ) Căn cứ hồ sơ đề nghị cho vay đặc biệt không có tài sản bảo đảm của tổ chức tín dụng, ý kiến của Ngân hàng Nhà nước và các bộ, cơ quan, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước đối với khoản vay không có tài sản bảo đảm trên cơ sở đề xuất của Ngân hàng Nhà nước;

e) Trên cơ sở ý kiến của Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước tổ chức thực hiện việc cho vay đặc biệt không có tài sản bảo đảm theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

**Điều 8. Xử lý khoản vay đặc biệt đã vay**

1. Trường hợp tổ chức tín dụng đề xuất áp dụng lãi suất 0%/năm đối với khoản vay đặc biệt đã vay tại Ngân hàng Nhà nước trong giai đoạn chưa có phương án cơ cấu lại hoặc phương án cơ cấu lại chưa được phê duyệt, tổ chức tín dụng phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Là tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt;

b) Có lỗ lũy kế lớn hơn 50% giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc theo kết luận thanh tra, kiểm toán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Trường hợp tổ chức tín dụng đề xuất áp dụng lãi suất 0%/năm đối với khoản vay đặc biệt đã vay tại Ngân hàng Nhà nước để thực hiện phương án cơ cấu lại, phương án cơ cấu lại được sửa đổi, bổ sung phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Là tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt;

b) Có phương án cơ cấu lại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 hoặc phương án cơ cấu lại, phương án cơ cấu lại được sửa đổi, bổ sung đang được Ngân hàng Nhà nước xem xét, phê duyệt theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; trong đó phương án xử lý khoản vay đặc biệt đã vay có đề xuất áp dụng lãi suất 0%/năm và miễn tiền lãi vay của khoản vay đặc biệt đã vay (nếu có).

**Điều 9. Hồ sơ, thủ tục xem xét, quyết định việc áp dụng lãi suất 0%/năm đối với khoản vay đặc biệt đã vay tại Ngân hàng Nhà nước trong trong giai đoạn chưa có phương án cơ cấu lại hoặc phương án cơ cấu lại chưa được phê duyệt**

1. Hồ sơ tổ chức tín dụng đề nghị Ngân hàng Nhà nước gồm:

a) Giấy đề nghị áp dụng lãi suất 0%/năm đối với khoản vay đặc biệt đã vay tại Ngân hàng Nhà nước theo Phụ lục 07 ban hành kèm theo Quyết định này;

b) Báo cáo về tình hình hoạt động, khả năng chi trả của tổ chức tín dụng theo Phụ lục 08 ban hành kèm theo Quyết định này;

c) Các văn bản chứng minh tổ chức tín dụng đáp ứng quy định khoản 1 Điều 8 Quyết định này.

2. Hồ sơ Ngân hàng Nhà nước đề xuất Thủ tướng Chính phủ gồm:

a) Các văn bản quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Văn bản của Ban Kiểm soát đặc biệt đề xuất Thủ tướng Chính phủ áp dụng lãi suất 0%/năm đối với khoản vay đặc biệt đã vay tại Ngân hàng Nhà nước theo Phụ lục 09 ban hành kèm theo Quyết định này;

c) Văn bản của Ngân hàng Nhà nước báo cáo Thủ tướng Chính phủ áp dụng lãi suất 0%/năm đối với khoản vay đặc biệt đã vay tại Ngân hàng Nhà nước;

d) Văn bản tham gia ý kiến của các bộ, cơ quan có liên quan;

đ) Các tài liệu khác liên quan đến việc đề xuất Thủ tướng Chính phủ áp dụng lãi suất 0%/năm đối với khoản vay đặc biệt đã vay tại Ngân hàng Nhà nước (nếu có).

3. Thủ tục xem xét, quyết định việc đề xuất Thủ tướng Chính phủ áp dụng lãi suất 0%/năm đối với khoản vay đặc biệt đã vay tại Ngân hàng Nhà nước:

a) Tổ chức tín dụng gửi Ban kiểm soát đặc biệt hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này. Ban kiểm soát đặc biệt theo thẩm quyền có văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước đề xuất Thủ tướng Chính phủ áp dụng lãi suất 0%/năm đối với khoản vay đặc biệt đã vay tại Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này kèm hồ sơ của tổ chức tín dụng quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Căn cứ hồ sơ của tổ chức tín dụng và văn bản của Ban kiểm soát đặc biệt, Ngân hàng Nhà nước có văn bản xin ý kiến các bộ, cơ quan có liên quan về đề xuất Thủ tướng Chính phủ áp dụng lãi suất 0%/năm đối với khoản vay đặc biệt đã vay tại Ngân hàng Nhà nước;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Ngân hàng Nhà nước, căn cứ phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, các bộ, cơ quan có ý kiến bằng văn bản về đề xuất Thủ tướng Chính phủ áp dụng lãi suất 0%/năm đối với khoản vay đặc biệt đã vay tại Ngân hàng Nhà nước;

d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ văn bản tham gia ý kiến của các bộ, cơ quan, Ngân hàng Nhà nước tổng hợp ý kiến các bộ, cơ quan trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định đề xuất áp dụng lãi suất 0%/năm đối với khoản vay đặc biệt đã vay tại Ngân hàng Nhà nước;

đ) Căn cứ hồ sơ đề nghị của tổ chức tín dụng, ý kiến của Ngân hàng Nhà nước và các bộ, cơ quan, Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định áp dụng lãi suất 0%/năm đối với khoản vay đặc biệt đã vay tại Ngân hàng Nhà nước;

e) Trên cơ sở ý kiến của Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước tổ chức thực hiện việc áp dụng lãi suất 0%/năm đối với khoản vay đặc biệt đã vay tại Ngân hàng Nhà nước.

**Điều 10. Hồ sơ, thủ tục xem xét, quyết định việc áp dụng lãi suất 0%/năm đối với khoản vay đặc biệt đã vay tại Ngân hàng Nhà nước trong trường hợp để thực hiện phương án cơ cấu lại hoặc phương án cơ cấu lại được sửa đổi, bổ sung**

1. Hồ sơ Ngân hàng Nhà nước đề xuất Thủ tướng Chính phủ:

a) Phương án cơ cấu lại của tổ chức tín dụng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 hoặc phương án cơ cấu lại, phương án cơ cấu lại được sửa đổi, bổ sung theo Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, trong đó có phương án xử lý khoản vay đặc biệt đã vay đề xuất áp dụng lãi suất 0%/năm và miễn tiền lãi vay của khoản vay đặc biệt đã vay;

b) Báo cáo, đề nghị của Ban kiểm soát đặc biệt của tổ chức tín dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 169, khoản 3 Điều 172, khoản 3 Điều 179, khoản 6 Điều 183 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 đối với trường hợp phương án cơ cấu lại, phương án cơ cấu lại được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024;

c) Văn bản tham gia ý kiến của các bộ, cơ quan có liên quan;

d) Các văn bản khác liên quan đến việc đề xuất áp dụng lãi suất 0%/năm đối với khoản vay đặc biệt đã vay tại Ngân hàng Nhà nước (nếu có).

2. Thủ tục xem xét, quyết định việc áp dụng lãi suất 0%/năm đối với khoản vay đặc biệt đã vay tại Ngân hàng Nhà nước:

a) Trên cơ sở phương án cơ cấu lại của tổ chức tín dụng và báo cáo, đề nghị của Ban kiểm soát đặc biệt của tổ chức tín dụng quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước có văn bản xin ý kiến các bộ, cơ quan có liên quan về đề nghị áp dụng lãi suất 0%/năm đối với khoản vay đặc biệt đã vay tại Ngân hàng Nhà nước;

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Ngân hàng Nhà nước, căn cứ phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, các bộ, cơ quan có ý kiến bằng văn bản về đề xuất áp dụng lãi suất 0%/năm đối với khoản vay đặc biệt đã vay tại Ngân hàng Nhà nước trên cơ sở đề nghị của Ngân hàng Nhà nước;

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ văn bản tham gia ý kiến của các bộ, cơ quan, Ngân hàng Nhà nước tổng hợp ý kiến các bộ, cơ quan trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đề xuất áp dụng lãi suất 0%/năm đối với khoản vay đặc biệt đã vay tại Ngân hàng Nhà nước;

d) Căn cứ hồ sơ Ngân hàng Nhà nước báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đề xuất áp dụng lãi suất 0%/năm đối với khoản vay đặc biệt đã vay tại Ngân hàng Nhà nước;

đ) Trên cơ sở ý kiến của Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước tổ chức thực hiện việc áp dụng lãi suất 0%/năm đối với khoản vay đặc biệt đã vay tại Ngân hàng Nhà nước.

**Chương III**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 11. Tổ chức thực hiện**

1. Ngân hàng Nhà nước:

a) Chủ trì phối hợp với bộ, cơ quan trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đề xuất việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước đối với khoản vay có lãi suất là 0%/năm, khoản vay không có tài sản bảo đảm; chịu trách nhiệm về đề xuất việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước đối với khoản vay có lãi suất là 0%/năm, khoản vay không có tài sản bảo đảm trình Thủ tướng Chính phủ phù hợp với quy định tại Quyết định này;

b) Tổ chức triển khai việc việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước đối với khoản vay có lãi suất là 0%/năm, khoản vay không có tài sản bảo đảm sau khi Thủ tướng Chính phủ có ý kiến;

c) Kiểm tra, giám sát việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước đối với khoản vay có lãi suất là 0%/năm, khoản vay không có tài sản bảo đảm;

d) Định kỳ tháng báo cáo Thủ tướng Chính phủ việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước đối với khoản vay có lãi suất là 0%/năm, khoản vay không có tài sản bảo đảm cho đến khi hết số dư cho vay các khoản này;

đ) Tổng hợp khó khăn, vướng mắc để xem xét, xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo, kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

2. Các bộ, cơ quan phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Nhà nước có ý kiến đối với đề nghị cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước đối với khoản vay có lãi suất 0%/năm, khoản vay không có tài sản bảo đảm; xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Quyết định này; chịu trách nhiệm đối với các nội dung đã tham gia ý kiến trong phạm vi quản lý của đơn vị mình theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức tín dụng

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ của thông tin, số liệu cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước để tổng hợp, tham mưu Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định cho vay đặc biệt.

b) Sử dụng vốn vay đặc biệt đúng mục đích theo Quyết định này, quy định của Ngân hàng Nhà nước về cho vay đặc biệt;

c) Trả hết gốc, lãi vay đặc biệt cho Ngân hàng Nhà nước khi khoản vay đặc biệt đến hạn. Thực hiện việc trả nợ vay đặc biệt theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về cho vay đặc biệt, quy định (nếu có) tại phương án cơ cấu lại, phương án cơ cấu lại được sửa đổi, bổ sung;

d) Trong thời hạn 07 ngày làm việc đầu tiên của tháng tiếp theo tháng có dư nợ vay đặc biệt tại Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng báo cáo Ngân hàng Nhà nước khoản vay đặc biệt có lãi suất là 0%/năm, khoản vay không có tài sản bảo đảm tại Ngân hàng Nhà nước cho đến khi hết số dư các khoản vay này;

đ) Thực hiện các quy định về tài sản bảo đảm, điều kiện tài sản bảo đảm, bổ sung thay thế tài sản bảo đảm áp dụng trong trường hợp bị rút tiền hàng loạt, thực hiện phương án cơ cấu lại theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về cho vay đặc biệt, quy định (nếu có) tại phương án cơ cấu lại, phương án cơ cấu lại được sửa đổi, bổ sung;

e) Thực hiện các quy định về vay đặc biệt tại Quyết định này, quy định của Ngân hàng Nhà nước về cho vay đặc biệt, quy định (nếu có) tại phương án cơ cấu lại, phương án cơ cấu lại được sửa đổi, bổ sung, quy định của pháp luật về kiểm soát đặc biệt và quy định pháp luật có liên quan.

4. Ban Kiểm soát đặc biệt:

a) Chịu trách nhiệm về các nội dung gửi Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Quyết định này;

b) Kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay đặc biệt của bên vay đặc biệt; thực hiện các quy định về vay đặc biệt tại Quyết định này, quy định của Ngân hàng Nhà nước về cho vay đặc biệt, quy định (nếu có) tại phương án cơ cấu lại, phương án cơ cấu lại được sửa đổi, bổ sung, quy định của pháp luật về kiểm soát đặc biệt và quy định pháp luật có liên quan.

**Điều 12. Quy định chuyển tiếp**

1. Các trường hợp cho vay đặc biệt không có tài sản bảo đảm của Ngân hàng Nhà nước đã phát sinh trước thời điểm Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 có hiệu lực tiếp tục thực hiện theo các văn bản phê duyệt trước đó, bao gồm cả gia hạn khoản vay đặc biệt này.

2. Trường hợp tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt có đề nghị áp dụng lãi suất 0%/năm đối với khoản vay đặc biệt đã vay từ Ngân hàng Nhà nước trước ngày Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 có hiệu lực thi hành; điều kiện, hồ sơ, thủ tục tuân thủ quy định tại Điều 8, 9, 10 Quyết định này.

**Điều 13. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 14. Trách nhiệm thi hành**

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức tín dụng, Ban kiểm soát đặc biệt tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;- Kiểm toán nhà nước;- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;- Ngân hàng Chính sách xã hội;- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;- Lưu: VT, KTTH (2). | **THỦ TƯỚNG****Phạm Minh Chính** |

**Phụ lục 01**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số…./2024/QĐ-TTgCP ngày …tháng…năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG……..  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: ......./....V/v đề nghị Ngân hàng Nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận việc Ngân hàng Nhà nước cho vay đặc biệt không có tài sản bảo đảm đối với tổ chức tín dụng… trong trường hợp bị rút tiền hàng loạt |  |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY ĐẶC BIỆT**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

 Tên tổ chức tín dụng:…

 Địa chỉ:…

 Điên thoại:…

 Căn cứ Quyết định số…./QĐ-TTg ngày …tháng…năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với khoản vay có lãi suất là 0%/năm, khoản vay không có tài sản bảo đảm

Căn cứ Thông tư số….ngày …tháng…năm 2024 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về ….;

Căn cứ tình hình khả năng chi trả của tổ chức tín dụng…;

Tổ chức tín dụng… kính đề nghị Ngân hàng Nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận việc Ngân hàng Nhà nước cho vay đặc biệt không có tài sản bảo đối với Tổ chức tín dụng…, cụ thể:

**1**. Lý do đề nghị vay đặc biệt Ngân hàng Nhà nước:

**2**. Số tiền đề nghị vay đặc biệt:

**3**. Lãi suất: ….

**4**. Thời hạn vay đặc biệt:…

**5**. Mục đích sử dụng tiền vay đặc biệt để chi trả cho người gửi tiền, trong đó nêu rõ người gửi tiền là cá nhân và/hoặc tổ chức

**6**. Tài sản bảo đảm của khoản vay đặc biệt:

Báo cáo về tình trạng các loại tài sản. Cam kết chưa có danh mục tài sản bảo theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về cho vay đặc biệt tại thời điểm đề nghị vay đặc biệt.

**7.** Tổ chức tín dụng có hay chưa có phương án cơ cấu lại được phê duyệt

Tổ chức tín dụng cam kết về tính chính xác, hợp pháp của thông tin, số liệu đã cung cấp; cam kết sử dụng tiền vay đặc biệt đúng mục đích, đồng thời cam kết tuân thủ các quy định của pháp Luật về cho vay đặc biệt.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*****-** Như trên;- Lưu: … | **Người đại diện hợp pháp** **của tổ chức tín dụng***(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)* |

**Phụ lục 02**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số…./2024/QĐ-TTgCP ngày …tháng…năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG……..  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: ......./....V/v đề nghị Ngân hàng Nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận việc Ngân hàng Nhà nước gia hạn cho vay đặc biệt không có tài sản bảo đảm đối với tổ chức tín dụng… trong trường hợp bị rút tiền hàng loạt |  |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN VAY ĐẶC BIỆT**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

 Tên tổ chức tín dụng:…

 Địa chỉ:…

 Điên thoại:…

 Căn cứ Quyết định số…./QĐ-TTg ngày …tháng…năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với khoản vay có lãi suất là 0%/năm, khoản vay không có tài sản bảo đảm;

Căn cứ Thông tư số….ngày …tháng…năm 2024 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về ….;

Căn cứ Quyết định số…./QĐ-NHNN ngày….tháng…năm của Ngân hàng Nhà nước quy định về cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với khoản vay…;

Căn cứ tình hình khả năng chi trả của tổ chức tín dụng…;

Tổ chức tín dụng… kính đề nghị Ngân hàng Nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận việc Ngân hàng Nhà nước gia hạn cho vay đặc biệt không có tài sản bảo đối với Tổ chức tín dụng…, cụ thể:

**1.** Lý do đề nghị gia hạn vay đặc biệt:

**2.** Số tiền gia hạn vay đặc biệt:

**3.** Lãi suất: ….

**4.** Thời hạn:…

**5.** Tài sản bảo đảm:

Báo cáo về tình trạng các loại tài sản. Cam kết chưa có danh mục tài sản bảo theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về cho vay đặc biệt tại thời điểm đề nghị gia hạn vay đặc biệt.

**6.** Tổ chức tín dụng có hay chưa có phương án cơ cấu lại được phê duyệt.

Tổ chức tín dụng cam kết về tính chính xác, hợp pháp của thông tin, số liệu đã cung cấp; cam kết sử dụng tiền vay đặc biệt đúng mục đích, đồng thời cam kết tuân thủ các quy định của pháp Luật về cho vay đặc biệt.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*****-** Như trên;- Lưu: … | **Người đại diện hợp pháp** **của tổ chức tín dụng***(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)* |

**Phụ lục 03**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số…./2024/QĐ-TTgCP ngày …tháng…năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |
| Số: ......./....V/v báo cáo tình hình hoạt động, khả năng chi trả  | *……, ngày …. tháng…. năm…..* |

**BÁO CÁO**

**VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG, KHẢ NĂNG CHI TRẢ**

**CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG…..**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. **Về tình hình hoạt động, khả năng chi trả**

- Báo cáo về tình trạng bị rút tiền hàng loạt, nguyên nhân

- Tình hình hoạt động.

- Khả năng chi trả:

+ Số dư huy động VND của khách hàng là tổ chức, cá nhân đến thời điểm gửi giấy đề nghị (tăng/giảm so với cuối tuần trước, cuối tháng trước, cuối năm trước);

+ Số dư cho vay, gửi tiền tại các TCTD khác;

+ Đầu tư/sử dụng giấy tờ có giá;

+ Đánh giá về khả năng chi trả, và nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc mất khả năng chi trả; tỷ lệ dự trữ thanh khoản, tỷ lệ khả năng chi trả 30 ngày VND (cuối năm trước, cuối tháng liền kề, tại thời điểm báo cáo);

+ Tổng nguồn tiền có thể sử dụng để chi trả cho khách hàng…

+ Dự kiến các nguồn có thể sử dụng và nhu cầu chi trả cho khách hàng trong vòng 30 ngày tới.

**2. Về các biện pháp khắc phục tình trạng bị rút tiền hàng loạt**

- Tổ chức tín dụng có hay chưa có phương án khắc phục đã được thông qua theo quy định tại Điều 143, Điều 158 Luật Các tổ chức tín dụng; trường hợp có phương án khắc phục đã được thông qua, nêu rõ thời hạn thực hiện phương án khắc phục, các biện pháp đã áp dụng và dự kiến áp dụng để khắc phục tình trạng rút tiền hàng loạt, nội dung biện pháp vay đặc biệt Ngân hàng Nhà nước tại phương án khắc phục (nếu có).

- Việc thực hiện các biện pháp quy định tại khoản 1 ~~và 2~~ Điều 191 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024;

**3. Giải trình việc đề xuất Ngân hàng Nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận việc cho vay đặc biệt, gia hạn cho vay đặc biệt:**

a) Số tiền vay đặc biệt:

b) Mục đích sử dụng tiền vay đặc biệt (không áp dụng đối với trường hợp gia hạn cho vay đặc biệt):

b) Thời hạn:

c) Lãi suất:

d) Tài sản bảo đảm:

e) Việc trả nợ vay đặc biệt:

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*****-** Như trên;- Lưu: … | **Người đại diện hợp pháp** **của tổ chức tín dụng***(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)* |

**Phụ lục 04**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số…./2024/QĐ-TTgCP ngày …tháng…năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên tổ chức tín dụng: …...****Số văn bản: …...** |  |

**SỐ LIỆU TIỀN GỬI BẰNG ĐỒNG VIỆT NAM**

*Ngày … tháng … năm …*

*Đơn vị: triệu đồng*

|  |  |
| --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Tiền gửi của cá nhân** |
| (1) | (2) |
| **I. Tổng số (=II+III)** | … |
| **II. Tiền gửi không kỳ hạn** | … |
| **III. Tiền gửi có kỳ hạn** | … |
| Trong đó, |  |
| 1. Tiền gửi có kỳ hạn đến hạn trong 10 ngày tiếp theo  | … |
| 2. Tiền gửi có kỳ hạn đến hạn trong 20 ngày tiếp theo  | … |
| 3. Tiền gửi có kỳ hạn đến hạn trong 1 tháng tiếp theo  | … |
| 4. Tiền gửi có kỳ hạn đến hạn trong 3 tháng tiếp theo  | … |
| 5. Tiền gửi có kỳ hạn đến hạn trong 6 tháng tiếp theo  | … |

*……, ngày … tháng … năm …*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Xác nhận của Ban Kiểm soát đặc biệt** | **Lập biểu** | **Kiểm soát** | **Người đại diện hợp pháp của****tổ chức tín dụng**(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu) |

**Hướng dẫn lập biểu:**

**-** Số liệu tiền gửi bằng đồng Việt Nam của khách hàng là cá nhân tính đến thời điểm gần nhất khi tổ chức tín dụng gửi hồ sơ đề nghị vay đặc biệt; không bao gồm tiền gửi của các đối tượng không được chi trả theo quy định của Ngân hàng nhà nước về cho vay đặc biệt.

- Số liệu tiền gửi có kỳ hạn đến hạn trong 10 ngày, 20 ngày, 1 tháng, 3 tháng, 6 tháng tiếp theo kể từ ngày chốt số liệu báo cáo.

- Ban kiểm soát đặc biệt xác nhận thông tin, số liệu tại Phụ lục (một phần hoặc toàn bộ) trên cơ sở báo cáo của tổ chức tín dụng và theo phạm vi thông tin, số liệu mà Ban kiểm soát đặc biệt thu thập được

**Phụ lục 05**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số…./2024/QĐ-TTgCP ngày …tháng…năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên tổ chức tín dụng …..****Số văn bản: ….** |  |

**SỐ LIỆU VỀ NGUỒN VỐN, SỬ DỤNG VỐN BẰNG ĐỒNG VIỆT NAM**

 *Đơn vị: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Ngày cuối năm trước liền kề** | **Ngày cuối tháng trước liền kề** | **Ngày …**(Ngày chốt số liệu báo cáo) |
| **Số dư** | **Thay đổi so với cuối năm trước** | **Thay đổi so với cuối tháng trước** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) = (5) - (3) | (7) = (5) - (4) |
| **I** | **Nguồn vốn VND** |  |  |  |  |  |
| 1 | Tiền gửi từ cá nhân, tổ chức (trừ TCTD) | … | … | … | … | … |
| a | Cá nhân | … | … | … | … | … |
| b | Tổ chức (trừ TCTD) | … | … | … | … | … |
| 2 | Tiền gửi của Kho bạc Nhà nước | … | … | … | … | … |
| 3 | Vay, nhận tiền gửi từ TCTD khác | … | … | … | … | … |
| 4 | Vay NHNN | … | … | … | … | … |
| **II** | **Sử dụng vốn VND** |  |  |  |  |  |
| 1 | Tiền mặt tại quỹ | … | … | … | … | … |
| 2 | Tiền gửi tại NHNN | … | … | … | … | … |
| 3 | Cho vay, gửi tiền tại TCTD khác | … | … | … | … | … |
| 4 | Tín dụng đối với nền kinh tế | … | … | … | … | … |
| 5 | Mua, đầu tư GTCG | … | … | … | … | … |
| a | Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh | … | … | … | … | … |
| b | Tín phiếu NHNN | … | … | … | … | … |
| c | GTCG khác (ghi rõ) | … | … | … | … | … |

*…….., ngày ...... tháng …… năm ......*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Xác nhận của****Ban kiểm soát đặc biệt** | **Lập biểu** | **Kiểm soát** | **Người đại diện hợp pháp** **của tổ chức tín dụng**(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu) |

**Hướng dẫn lập biểu:**

Ban kiểm soát đặc biệt xác nhận thông tin, số liệu tại Phụ lục (một phần hoặc toàn bộ) trên cơ sở báo cáo của tổ chức tín dụng và theo phạm vi thông tin, số liệu mà Ban kiểm soát đặc biệt thu thập được.

**Phụ lục 06**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số…./2024/QĐ-TTgCP ngày …tháng…năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**BAN KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT TỔ CHỨC TÍN DỤNG…** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: ......./....V/v đề nghị Ngân hàng Nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước đối với khoản vay có lãi suất là 0%, khoản vay không có tài sản bảo đảm  |  |

**Kính gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

Căn cứ Quyết định số…./QĐ-TTg ngày …tháng…năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ quy định về….;

Căn cứ Thông tư số….ngày …tháng…năm 2024 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt;

Căn cứ Quyết định số …./QĐ-NHNN ngày tháng…năm về việc kiểm soát đặc biệt đối với tổ chức tín dụng…;

Căn cứ Quyết định số…./QĐ-NHNN ngày …tháng….năm…của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về cho vay đặc biệt……(áp dụng trong trường hợp bên vay đặc biệt đề nghị gia hạn vay đặc biệt)

Căn cứ Hồ sơ đề nghị của tổ chức tín dụng…gửi Ban Kiểm soát đặc biệt tổ chức tín dụng…ngày …tháng…năm kèm theo Giấy đề nghị vay đặc biệt số…..ngày….tháng….năm….

1. Ban Kiểm soát đặc biệt tổ chức tín dụng…có ý kiến:

- Về việc tổ chức tín dụng bị rút tiền hàng loạt.

- Về khả năng chi trả, nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc mất khả năng chi trả, tỷ lệ khả năng chi trả 30 ngày VND của tổ chức tín dụng, tổng nguồn tiền có thể sử dụng để chi trả cho khách hàng…,dự kiến các nguồn tổ chức tín dụng có thể sử dụng và nhu cầu chi trả cho khách hàng trong vòng 30 ngày tới;

- Về việc tổ chức tín dụng đáp ứng quy định tại Điều 5 Quyết định số…/2024/QĐ-TTg.

- Về tổ chức tín dụng có hay chưa có phương án khắc phục đã được thông qua theo quy định tại Điều 143, Điều 158 Luật Các tổ chức tín dụng; các biện pháp tổ chức tín dụng đã áp dụng và dự kiến áp dụng để khắc phục tình trạng rút tiền hàng loạt;

- Nội dung khác (nếu có)

**2.** Giải trình,đề xuất Ngân hàng Nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận việc Ngân hàng Nhà nước cho vay, gia hạn cho vay đặc biệt không có tài sản bảo đối với Tổ chức tín dụng…, cụ thể:

a) Mục đích sử dụng tiền vay đặc biệt (trong trường hợp vay đặc biệt):

b) Số tiền:

c) Lãi suất:

d) Thời hạn:

e) Việc trả nợ vay đặc biệt:

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*****-** Như trên;- Lưu: … | **Ban Kiểm soát đặc biệt***(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)* |

**Phụ lục 07**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số…./2024/QĐ-TTgCP ngày …tháng…năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG……..  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: ......./....V/v đề nghị vay đặc biệt không có tài sản bảo đảm khi bị rút tiền hàng loạt |  |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ÁP DỤNG LÃI SUẤT 0% ĐỐI VỚI KHOẢN VAY ĐẶC BIỆT ĐÃ VAY TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

 Tên tổ chức tín dụng:…

 Địa chỉ:…

 Điên thoại:…

 Căn cứ Quyết định số…./QĐ-TTg ngày …tháng…năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ quy định về ….;

Căn cứ Quyết định số…./QĐ-NHNN ngày …tháng….năm…của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về cho vay đặc biệt……;

Căn cứ tình hình khả năng chi trả của tổ chức tín dụng…

Tổ chức tín dụng đáp ứng điều kiện quy định tại khoản…Điều 8 Quyết định số QĐ-TTg ngày …tháng…năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ quy định về ….

Tổ chức tín dụng… kính đề nghị Ngân hàng Nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ áp dụng lãi suất 0%/năm đối với khoản vay đặc biệt đã vay theo Quyết định số…QĐ/NHNN ngày…tháng…năm…về…, cụ thể:

**1**. Lý do đề nghị áp dụng lãi suất 0%/năm đối với khoản vay đặc biệt đã vay:

**2**. Số tiền đề nghị vay đặc biệt đề nghị lãi suất 0%/năm:

Tổ chức tín dụng cam kết về tính chính xác, hợp pháp của thông tin, số liệu đã cung cấp; cam kết tuân thủ các quy định của pháp Luật về cho vay đặc biệt.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*****-** Như trên;- Lưu: … | **Người đại diện hợp pháp** **của tổ chức tín dụng***(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)* |

**Phụ lục 08**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số…./2024/QĐ-TTgCP ngày …tháng…năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |
| Số: ......./....V/v báo cáo tình hình hoạt động, khả năng chi trả  | *……, ngày …. tháng…. năm…..* |

**BÁO CÁO**

**VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG, KHẢ NĂNG CHI TRẢ CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG….. TRONG TRƯỜNG HỢP TỔ CHỨC TÍN DỤNG ĐỀ XUẤT ÁP DỤNG LÃI SUẤT 0%/NĂM ĐỐI VỚI KHOẢN VAY ĐẶC BIỆT ĐÃ VAY**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

**1.** Về tình hình hoạt động và khả năng chi trả

a) Tình hình hoạt động

b) Khả năng chi trả

- Số dư huy động VND của khách hàng là tổ chức, cá nhân đến thời điểm gửi giấy đề nghị (tăng/giảm so với cuối tuần trước, cuối tháng trước, cuối năm trước);

- Số dư cho vay, gửi tiền tại các TCTD khác;

- Đầu tư/sử dụng giấy tờ có giá;

- Đánh giá về khả năng chi trả và nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc mất khả năng chi trả; tỷ lệ dự trữ thanh khoản, tỷ lệ khả năng chi trả 30 ngày VND (cuối năm trước, cuối tháng liền kề, tại thời điểm báo cáo);

- Tổng nguồn tiền có thể sử dụng để chi trả cho khách hàng…

- Dự kiến các nguồn có thể sử dụng và nhu cầu chi trả cho khách hàng trong vòng 30 ngày tới.

**2.** Thông tin, số liệu về khoản vay đặc biệt đã vay; việc trả nợ vay đặc biệt.

**3.** Giải trình, đề xuất việc áp dụng lãi suất 0%/năm đối với khoản vay đặc biệt đã vay.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*****-** Như trên;- Lưu: … | **Người đại diện hợp pháp** **của tổ chức tín dụng***(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)* |

**Phụ lục 09**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số…./2024/QĐ-TTgCP ngày …tháng…năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**BAN KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT TỔ CHỨC TÍN DỤNG…** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: ......./....V/v kiến nghị cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng…với lãi suất 0%/năm, không có tài sản bảo đảm  |  |

**Kính gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

Căn cứ Quyết định số…./QĐ-TTg ngày …tháng…năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ quy định về….;

Căn cứ Thông tư số….ngày …tháng…năm 2024 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt;

Căn cứ Quyết định số …./QĐ-NHNN ngày tháng…năm về việc kiểm soát đặc biệt đối với tổ chức tín dụng…;

Căn cứ Quyết định số…./QĐ-NHNN ngày …tháng….năm…của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về cho vay đặc biệt……

Căn cứ Hồ sơ đề nghị của tổ chức tín dụng…gửi Ban Kiểm soát đặc biệt tổ chức tín dụng…ngày …tháng…năm kèm theo Giấy đề nghị áp dụng lãi suất 0%/năm đối với khoản vay đặc biệt đã vay tại Ngân hàng Nhà nước số…..ngày….tháng….năm….

**1.** Ban Kiểm soát đặc biệt tổ chức tín dụng…có ý kiến:

**-** Tình hình hoạt động của tổ chức tín dụng; việc tổ chức tín dụng đề nghị áp dụng lãi suất 0%/năm đối với khoản vay đặc biệt đã vay; khả năng chi trả, nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc mất khả năng chi trả của tổ chức tín dụng, tỷ lệ dự trữ thanh khoản, tỷ lệ khả năng chi trả 30 ngày VND (cuối năm trước, cuối tháng liền kề, tại thời điểm báo cáo), tổng nguồn tiền có thể sử dụng để chi trả cho khách hàng; dự kiến các nguồn có thể sử dụng và nhu cầu chi trả cho khách hàng trong vòng 30 ngày tới; việc trả nợ vay đặc biệt.

- Tổ chức tín dụng đáp ứng quy định tại Điều 8 Căn cứ Quyết định số…./QĐ-TTg ngày …tháng…năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ quy định về….;

**2.** Giải trình, đề xuất việc Ngân hàng Nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ áp dụng lãi suất 0%/năm đối với khoản vay đặc biệt:

a)Lý do đề nghị áp dụng lãi suất 0% đối với khoản vay đặc biệt đã vay;

b)Số tiền đề nghị vay đặc biệt đề nghị lãi suất 0%/năm.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*****-** Như trên;- Lưu: … | **Ban Kiểm soát đặc biệt***(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)* |